

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2025/DS-PT  
Ngày 17-4-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Vỹ

*Các Thẩm phán:* Bà Bùi Thị Thương

Ông Cao Xuân Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 172/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2025 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 58/2025/QĐ-TA ngày 10 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Địa chỉ: số D đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:*

Ông Từ Tiến P - Tổng Giám đốc (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Đình L – Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ, theo Giấy ủy quyền số 1285/UQ-QLN.22 ngày 05-7-2022 (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền lại:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Lô A số A đường H, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

**- Bị đơn:**

1. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1978 (có mặt).

2. Ông Nguyễn Bá Q, sinh năm 1973 (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 2000 (có mặt).

Cùng địa chỉ: số H đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người kháng cáo:

Bà Đặng Thị H – Bị đơn.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trình bày:

1.1. Ngân hàng A cấp tín dụng cho bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ căn cứ theo: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số TVT.CN.2168.270323 ngày 04-4-2023, Hợp đồng cấp tín dụng số TVT.CN.2170.270323 ngày 04-4-2023, chi tiết như sau:

Số tiền cho vay	: 1.000.000.000 đồng
Mục đích cho vay	: Mua nhà, đất - không thế chấp tài sản mua
Phương thức cho vay	: Cho vay từng lần
Phương thức giải ngân	: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể.
Thời hạn cho vay	: 240 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu.
Thời hạn giải ngân	: 12 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng. Thời hạn giải ngân lần đầu tiên 06 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng.
Lãi suất trong hạn	: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể.
Lãi suất quá hạn	: 150% lãi suất trong hạn.
Lãi suất phạt chậm trả lãi	: 10%/năm.

Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng A đã giải ngân cho bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ bằng Khế ước nhận nợ như sau:

TT	Khế ước nhận nợ	Ngày ký & giải ngân	Số tiền giải ngân	Phương thức giải ngân	Thời hạn cho vay	Lãi suất
1	Số 39377 6139	Ngày 06/4/2023	1.000.000.000 đồng	Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 31374967 của bà Đặng Thị Hiền tại ACB	Từ ngày 07/4/2023 đến ngày 06/04/2043	(1). Lãi suất trong hạn: 10,50 %/năm, cố định trong thời hạn 12 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LSCS+3,90%/năm

						(2). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (3). Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.
--	--	--	--	--	--	--

1.2. Ngân hàng A cấp tín dụng cho bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q căn cứ theo: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số TVT.CN.2168.270323 ngày 04-4-2023, Hợp đồng cấp tín dụng số TVT.CN.2172.270323 ngày 04-4-2023, chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 1.600.000.000 đồng.
Mục đích cho vay	: SXKD - Bổ sung vốn lưu động - Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng
Phương thức cho vay	: Cho vay theo hạn mức tín dụng
Phương thức giải ngân	: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể.
Thời hạn hiệu lực của hạn mức	: 12 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng
Thời hạn cho vay	: Được ghi trên mỗi Khế ước nhận nợ, tối đa không quá 09 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày giải ngân
Thời hạn giải ngân lần đầu	: 06 tháng, kể từ ký Hợp đồng cấp tín dụng
Lãi suất	: Được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể.
Lãi suất phạt chậm trả lãi	: 10%/năm.

Để thực hiện Thỏa thuận tín dụng và Hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng A đã giải ngân cho bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q bằng Khế ước nhận nợ như sau:

TT	Khế ước nhận nợ	Ngày ký & giải ngân	Số tiền giải ngân	Phương thức giải ngân	Thời hạn cho vay	Lãi suất
1	Số 39377 4229	Ngày 06/4/2023	1.600.000.000 đồng	Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 31374967 của bà Đặng Thị Hiền tại ACB	Từ ngày 07/4/2023 đến ngày 06/01/2024	(1). Lãi suất trong hạn: 10,00 %/năm, cố định trong thời hạn 06 tháng. Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LSCS+3,00%/năm

TT	Khế ước nhận nợ	Ngày ký & giải ngân	Số tiền giải ngân	Phương thức giải ngân	Thời hạn cho vay	Lãi suất
						(2). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. (3). Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

1.3. Ngân hàng A cấp tín dụng cho bà Đặng Thị H căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20-3-2023, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A; Các văn bản khác của bà Đặng Thị H ký với Ngân hàng A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau:

Số thẻ tín dụng : 4791 39\*\* \*\*\*\* 8093  
 Ngày cấp : 29-5-2023  
 Loại thẻ : Visa Gold  
 Hạn mức thẻ : 10.000.000 đồng.  
 Hiệu lực thẻ : Tháng 05-2026

Lãi suất (trọng hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A Châu – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

1.4. Ngân hàng A cấp tín dụng cho ông Nguyễn Bá Q căn cứ theo: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20-3-2023, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A, Các văn bản khác của ông Nguyễn Bá Q ký với Ngân hàng A về việc sử dụng thẻ tín dụng. Chi tiết như sau:

Số thẻ tín dụng : 4791 39\*\* \*\*\*\* 0420  
 Ngày cấp : 30-5-2023  
 Loại thẻ : Visa Gold  
 Hạn mức thẻ : 10.000.000 đồng.  
 Hiệu lực thẻ : Tháng 05-2026

Lãi suất (trọng hạn, quá hạn), phí: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A Châu – là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

#### 1.5. Biện pháp bảo đảm:

1.5.1. Thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 366, tờ bản đồ số 142, địa chỉ: Thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 196503, vào sổ cấp GCN: CS10696 do Sở T1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 04-12-2020, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 03-3-2021.

Tài sản thế chấp cho A căn cứ theo:

Hợp đồng thế chấp tài sản số TVT.BĐCN.220.270323 được công chứng tại Văn phòng Công chứng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, số công chứng 773; Đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 06-4-2023; Cam kết thế chấp tài sản ngày 05-4-2023 của bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q.

1.5.2. Thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 415, tờ bản đồ số 142, địa chỉ: Thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 019958, vào sổ cấp GCN: CS11827 do Sở T1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24-01-2022, cập nhật thay đổi chủ sở hữu/sử dụng ngày 04-3-2022.

Tài sản thế chấp cho A căn cứ theo:

Hợp đồng thế chấp tài sản số TVT.BĐCN.213.270323 được công chứng tại Văn phòng Công chứng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, số công chứng 760, Đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 06-4-2023, Cam kết thế chấp tài sản ngày 04-4-2023 của bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q.

1.6. Vi phạm hợp đồng và dư nợ chưa trả:

1.6.1. Vi phạm hợp đồng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng, bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng A. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, chấm dứt sử dụng thẻ, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì:

Ngày 11-11-2023, Ngân hàng A ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay của (các) Khách hàng nhận nợ nêu trên.

Ngày 11-11-2023, Ngân hàng A ra Thông báo thu hồi nợ trước hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với (các) thẻ tín dụng nêu trên.

1.6.2. Dư nợ chưa trả

Tính đến ngày 18-9-2024, bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ còn nợ Ngân hàng A các khoản sau:

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số TVT.CN.2170.270323 ngày 04-4-2023:

Tổng số tiền nợ gốc và lãi các ông bà: Đặng Thị H, Nguyễn Bá Q, Nguyễn Bá Đ còn nợ A tính đến ngày 18-9-2024 là 1.160.348.597 đồng, trong đó: Nợ gốc là 997.770.000 đồng, lãi trong hạn 26.693.766 đồng, lãi quá hạn 127.877.645 đồng, phạt chậm trả lãi 8.007.186 đồng.

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số TVT.CN.2172.270323 ngày 04-4-2023:

Tổng số tiền nợ gốc và lãi bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q còn nợ A tính đến ngày 18-9-2024 là 1.878.271.900 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.600.000.000 đồng, lãi trong hạn là 37.479.451 đồng, lãi quá hạn là 228.486.575 đồng, phạt chậm trả lãi là 12.305.874 đồng.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20-3-2023, bà H còn nợ A 14.046.318 đồng, trong đó: Nợ gốc là 10.596.204 đồng, lãi quá hạn là 3.450.114 đồng.

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 20-3-2023, ông Q còn nợ A: 14.393.007 đồng, trong đó: Nợ gốc là 10.885.329 đồng, lãi quá hạn là 3.507.678 đồng.

Nay phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

- Buộc bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18-9-2024 theo Hợp đồng cấp tín dụng số TVT.CN.2170.270323 ngày 04-4-2023 là 1.160.348.547 đồng, trong đó: Nợ gốc là 997.770.000 đồng, lãi trong hạn 26.693.766 đồng, lãi quá hạn 127.877.645 đồng, phạt chậm trả lãi 8.007.186 đồng.

- Buộc bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18-9-2024 theo Hợp đồng cấp tín dụng số TVT.CN.2172.270323 ngày 04-4-2023 là 1.878.271.900 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.600.00.000 đồng, lãi trong hạn là 37.479.451 đồng, lãi quá hạn là 228.486.575 đồng, phạt chậm trả lãi là 12.305.874 đồng.

- Buộc bà Đặng Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18-9-2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20-3-2023 của bà Đặng Thị H là 14.046.318 đồng, trong đó: Nợ gốc là 10.596.204 đồng, lãi quá hạn là 3.450.114 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Bá Q phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18-9-2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20-3-2023 của ông Nguyễn Bá Q là 14.393.007 đồng, trong đó: Nợ gốc là 10.885.329 đồng, lãi quá hạn là 3.507.678 đồng.

- Buộc bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A kể từ ngày 19-9-2024 đến ngày trả hết nợ.

- Nếu bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm sau đây được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 366, tờ bản đồ số 142, địa chỉ: Thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 196503.

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 415, tờ bản đồ số 142, địa chỉ: Thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 019958.

*Bị đơn bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Đ trình bày:*

Bà H và ông Đ không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A và yêu cầu Chủ tịch Tập đoàn Á trực tiếp làm việc với bà H, ông Đ. Nêu không thỏa đáng, bà H đề nghị Tòa án thành phố V xét xử theo quy định của Nhà nước Việt Nam. Theo đại diện của Ngân hàng A trình bày, số tiền bà H, ông Q, ông Đ vay 1 tỷ để mua đất là không có cơ sở vì: Ngày 07-4-2022, thửa đất số 52, tờ bản đồ số 99, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai, diện tích 73,8m<sup>2</sup> đã sang tên cho ông Nguyễn Bá Đ theo Hợp đồng số 001754 ngày 07-4-2022. Khi phát hiện sai phạm của Ngân hàng, bà H, ông Q và ông Đ đã khóa van tín dụng của cá nhân, tài khoản đối ứng của Công ty N. Ngày 27-11-2023, bà H đã có đơn tố cáo kiến nghị về số A N, thành phố V. Trong đơn tố cáo bà H nói rõ: Tố cáo đội ngũ Ngân hàng A dụ dỗ khách hàng đưa tài sản của mình khi hồ sơ không rõ ràng với hai hợp đồng tín dụng chồng chéo và bắt buộc tách thành 02 hồ sơ tín dụng; tố cáo Ngân hàng MB anh Nguyễn Vũ tự Ý mở tài khoản của Công ty Ngọc Trần H1 giao dịch bằng chứng chỉ tiền gửi và ông Nguyễn V đã xin lỗi Công ty N; tố cáo Tập đoàn O1 làm rò rỉ tất cả những dữ liệu, thông tin của bà H và Công ty N, thậm chí tự thu chi trên tài khoản của bà H dẫn đến việc nhảy nhóm, mặc dù bên Công ty đã rất cố gắng khắc phục và đưa ra những ý kiến thuận tiện, sau 03 tháng bà H trực tiếp đến Ngân hàng A thì nhân viên Q1 và Lãnh đạo nói Hợp đồng đã gửi đến Tòa án thì phía bà H khóa van tín dụng và chờ Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Bá Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 172/2024/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ:

1.1. Buộc bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18-9-2024 theo Hợp đồng cấp tín dụng số TVT.CN.2170.270323 ngày 04-4-2023 là 1.160.348.597 đồng, trong đó: Nợ gốc là 997.770.000 đồng, lãi trong hạn 26.693.766 đồng, lãi quá hạn 127.877.645 đồng, phạt chậm trả lãi 8.007.186 đồng.

1.2. Buộc bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18-9-2024 theo Hợp đồng cấp tín dụng số TVT.CN.2172.270323 ngày 04-4-2023 là 1.878.271.900 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.600.00.000 đồng, lãi trong hạn là

37.479.451 đồng, lãi quá hạn là 228.486.575 đồng, phạt chậm trả lãi là 12.305.874 đồng.

1.3. Buộc bà Đặng Thị H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18-9-2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20-3-2023 của bà Đặng Thị H là 14.046.318 đồng, trong đó: Nợ gốc là 10.596.204 đồng, lãi quá hạn là 3.450.114 đồng.

1.4. Buộc ông Nguyễn Bá Q phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18-9-2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20-3-2023 của ông Nguyễn Bá Q là 14.393.007 đồng, trong đó: Nợ gốc là 10.885.329 đồng, lãi quá hạn là 3.507.678 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19-9-2024), bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay.

Trường hợp bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ không thanh toán được toàn bộ số nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 366, tờ bản đồ số 142, địa chỉ: Thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 196503 đứng tên bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q. Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 415, tờ bản đồ số 142, địa chỉ: Thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 019958 đứng tên bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q. Cả 02 quyền sử dụng đất trên đã được hai bên ký Hợp đồng thế chấp tài sản số TVT.BĐCN.220.270323 và Hợp đồng thế chấp tài sản số TVT.BĐCN.213.270323 được công chứng tại Văn phòng C tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04-10-2024, bị đơn bà Đặng Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận phát mãi tài sản thế chấp gồm: Thửa đất số 366, tờ bản đồ số 142 và thửa đất số 415, tờ bản đồ số 142, tại thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đứng tên bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*



Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A (do bà Nguyễn Thị D đại diện) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Đặng Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận phát mãi tài sản thế chấp của bà H đối với 02 thửa đất số 366 và 415, tờ bản đồ số 142, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà H nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà H, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm, riêng phần tiền lãi chậm trả lãi thì do Ngân hàng tính chưa chính xác nên đề nghị sửa phần này để đảm bảo đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Bá Q vắng mặt không rõ lý do, dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2. Bà H và ông Đ xác nhận ông Q ở cùng nhà với bà H, ông Đ nên bà H và ông Đ đã nhận thay và giao lại các văn bản tố tụng cho ông Q, ông Q biết thời gian, địa điểm mở phiên tòa nhưng do đã có bà H và ông Đ đại diện tham gia nên ông Q không đến tham gia phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt ông Q.

[1.3] Bị đơn bà H yêu cầu Tòa án triệu tập người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Từ Tiến P tham gia phiên tòa, không đồng ý việc bà Nguyễn Thị D đại diện cho nguyên đơn để tham gia phiên tòa phúc thẩm. Xét yêu cầu của bà H là không có căn cứ, vì ông Từ Tiến P đã có văn bản ủy quyền hợp pháp cho ông Nguyễn Đình L, ông Nguyễn Đình L có văn ủy quyền lại hợp pháp cho bà Nguyễn Thị D tham gia tố tụng tại các cấp xét xử sơ thẩm và phúc thẩm (B1 125-126 và 129). Do vậy, bà D là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm, nên không cần thiết phải triệu tập người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn tham gia phiên tòa theo yêu cầu của bà H.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H:*

[2.1] *Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng:*

Hình thức và nội dung của các Hợp đồng cấp tín dụng số TVT.CN.2170.270323, số TVT.CN.2172.270323 cùng ngày 04-4-2023 kèm các khế ước nhận nợ ngày 06-4-2023 (Bl 28-35) giữa nguyên đơn và các bị đơn đều phù hợp với các quy định tại Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015; phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng; phù hợp với Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số TVT.CN.2168.270323 ngày 04-4-2023 giữa hai bên. Do vậy, các Hợp đồng cấp tín dụng nêu trên đều hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

[2.3] *Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng số TVT.CN.2170.270323 ngày 04-4-2023:*

[2.3.1] Về nợ gốc: Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng này và khế ước nhận nợ kèm theo (Bl 32-35), thì số tiền gốc bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ đã vay của nguyên đơn là 1.000.000.000 đồng. Bà H, và ông Đ thừa nhận mới trả được một phần nợ gốc là 2.230.000 đồng, từ tháng 10-2023 đến nay, hàng tháng các bị đơn không trả nợ gốc tiếp cho nguyên đơn. Như vậy, các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo thỏa thuận giữa hai bên trong Hợp đồng cấp tín dụng và khế ước nhận nợ. Do đó, Ngân hàng A yêu cầu bà H, ông Q và ông Đ thanh toán số tiền nợ gốc còn lại 997.770.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3.2] Về nợ lãi: Căn cứ thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cấp tín dụng và khế ước nhận nợ kèm theo (Bl 32-35), thì lãi trong hạn được tính tại thời điểm vay là 10.50%/năm, cố định trong thời hạn 12 tháng sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn là 15.75%/năm ( $10.50\% \times 150\%$ ). Mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Căn cứ vào bảng tính lãi ngày 18-9-2024 của Ngân hàng A thì tổng số tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 18-9-2024 là 162.578.597 đồng (Trong đó: lãi trong hạn 26.693.766 đồng, lãi quá hạn 127.871.743 đồng, phạt chậm trả lãi 8.007.186 đồng). Các khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn nêu trên được Ngân hàng tính đúng theo thỏa thuận về lãi suất giữa các bên. Các bị đơn thừa nhận chưa trả các khoản tiền lãi này cho Ngân hàng A. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng A về việc buộc bà H, ông Q và ông Đ trả số tiền lãi trên là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

Riêng về số tiền lãi phạt chậm trả lãi: Tại cấp phúc thẩm, Ngân hàng A cung cấp bản tính lãi mới, theo đó, tiền phạt chậm trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số TVT.CN.2170.270323 ngày 04-4-2023 tính đến ngày 18-9-2024 là 9.314.390 đồng. Nhưng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 8.007.186 đồng là có lợi cho bị đơn, nguyên đơn không kháng cáo phần này nên Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên số tiền lãi phạt chậm trả lãi mà cấp sơ thẩm đã tuyên.

[2.4] *Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cấp tín dụng số TVT.CN.2172.270323 ngày 04-4-2023:*

[2.4.1] Về nợ gốc: Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng này và Khế ước nhận nợ kèm theo (Bl 28-31), thì số tiền nợ gốc bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q đã vay của Ngân hàng A là 1.600.000.000 đồng. Thời hạn vay là 09 tháng, từ ngày 07-4-2023 đến ngày 06-01-2024. Bà H xác nhận đến nay chưa trả được cho Ngân hàng A khoản tiền nợ gốc nào của hợp đồng này, nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông Q, bà H thanh toán số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng theo hợp đồng cấp tín dụng này là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.4.2] Về nợ lãi: Căn cứ vào Hợp đồng cấp tín dụng này và Khế ước nhận nợ kèm theo (Bl 28-31), thì lãi trong hạn được tính tại thời điểm vay là 10.00%/năm, cố định trong thời hạn 12 tháng sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần. Thời điểm điều chỉnh lãi suất cuối cùng trước khi chuyển nợ quá hạn của khoản vay này là kỳ tháng 10/2023 với mức lãi suất 11.75%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn là 17.55%/năm ( $11.75\% \times 150\%$ ). Mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Căn cứ vào bảng tính lãi ngày 18-9-2024 của Ngân hàng A thì tổng số tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 18-9-2024 là 278.271.900 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là 37.479.451 đồng, lãi quá hạn là 228.486.575 đồng, phạt chậm trả lãi là 12.305.874 đồng). Các khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn nêu trên được Ngân hàng tính đúng theo thỏa thuận về lãi suất giữa các bên. Các bị đơn thừa nhận chưa trả các khoản tiền lãi này cho Ngân hàng A. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng A về việc buộc bà H, ông Q và ông Đ trả số tiền lãi trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Riêng về số tiền lãi phạt chậm trả lãi: Tại cấp phúc thẩm, Ngân hàng A cung cấp bản tính lãi mới, theo đó, tiền phạt chậm trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số TVT.CN.2172.270323 ngày 04-4-2023 tính đến ngày 18-9-2024 là 15.018.500 đồng. Nhưng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 12.305.874 đồng là có lợi cho bị đơn, nguyên đơn không kháng cáo phần này, nên Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên số tiền lãi phạt chậm trả lãi mà cấp sơ thẩm đã tuyên.

[2.5] *Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo Thẻ tín dụng số 4791 39\*\* \*\*\*\* 8093 của bà Đặng Thị H và Thẻ tín dụng số 4791 39\*\* \*\*\*\* 0420 của ông Nguyễn Bá Q:*

Theo nguyên đơn Ngân hàng A thì ngày 20-3-2023, bà Đặng Thị H lập Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại Ngân hàng A. Ngày 29-5-2023, Ngân hàng A đã cấp cho bà H Thẻ tín dụng số 4791 39\*\* \*\*\*\* 8093, loại thẻ Visa Gold, hạn mức thẻ là 10.000.000 đồng, hiệu lực thẻ là tháng 05-2026 với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 32%/năm. Tính đến ngày 18-9-2024, bà H còn nợ số tiền nợ gốc là 10.596.204 đồng, lãi quá hạn là 3.450.114 đồng. Điều này được bà H xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm.

Cùng ngày 20-3-2023, ông Nguyễn Bá Q lập Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại Ngân hàng A. Ngày 30-5-2023, Ngân hàng A đã cấp cho ông Quý T tín dụng số 4791 39\*\* \*\*\*\* 0420, loại thẻ Visa Gold, hạn mức thẻ là 10.000.000 đồng, hiệu lực thẻ là tháng 05-2026 với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 32%/năm. Tính đến ngày 18-9-

2024, ông Q còn nợ số tiền nợ gốc là 10.885.329 đồng, lãi quá hạn là 3.507.678 đồng.

Lời khai trên của Ngân hàng được bà H (vợ ông Q) xác nhận tại phiên tòa phúc thẩm, còn ông Q không có ý kiến phản đối.

Xét, số tiền nợ gốc và lãi trên phù hợp với thỏa thuận giữa các bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20-3-2023 của bà H (B1 61-65) và ông Q (B1 56-60), phù hợp với Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A (B1 18-27), phù hợp với sự thừa nhận của bị đơn bà H, còn ông Q không có ý kiến phản bác. Do vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc buộc bà H, ông Q phải thanh toán các khoản nợ gốc và lãi nêu trên là hoàn toàn có căn cứ.

*[2.6] Đối với yêu cầu buộc các bị đơn bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ trả cho Ngân hàng A tiền lãi và phạt chậm trả lãi từ ngày 19-9-2024 đến khi thanh toán hết nợ gốc.*

Xét yêu cầu này của Ngân hàng A là hoàn toàn phù hợp với nội dung của các hợp đồng cấp tín dụng mà các bên đã ký kết và các văn bản thỏa thuận giữa các bên, phù hợp các quy định của pháp luật. Do vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ nên cần giữ nguyên.

*[2.7] Đối với yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ:*

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm, Ngân hàng và các bị đơn đều khai tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ nêu trên gồm:

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 366, tờ bản đồ số 142, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 196503 ngày 04-12-2020 cho ông Nguyễn Văn Đ1, bà Trương Thị Kim O, đăng ký chuyển nhượng sang tên cho bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q ngày 31-3-2021, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số TVT.BĐCN.220.270323 ngày 05-4-2023 (B1 76-82).

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 415, tờ bản đồ số 142, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 019958, ngày 24-01-2022 cho ông Nguyễn Minh D1, bà Phạm Thùy L1, đăng ký chuyển nhượng sang tên cho bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q ngày 04-3-2022, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số TVT.BĐCN.213.270323 ngày 04-4-2023 (B1 42-46).

Xét, lời khai xác nhận của các đương sự như trên hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các hợp đồng thế chấp tài sản (B1 42-46 và 76-82), các giấy Cam kết thế chấp tài sản (B1 39, 75), các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (B1 36-38 và 71-73), các Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm (B1 40-41 và 76-77). Do vậy, đủ căn cứ kết luận: Các hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên được Ngân hàng A và ông Q, bà H tự nguyện thỏa thuận và ký kết nhằm đảm bảo cho việc trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký và thẻ tín dụng đã phát hành giữa hai bên; các hợp đồng thế chấp trên cũng đã được công chứng tại Văn phòng

C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 06-4-2023. Do vậy, đây là các hợp đồng thế chấp hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ cho các bên tham gia giao kết.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp và ghi nhận: Các thửa đất mà bị đơn thế chấp cho Ngân hàng hiện đang do ông Q, bà H quản lý, sử dụng và không phát sinh tranh với cá nhân, tổ chức nào; trên đất không có người ở, không có công trình xây dựng hoặc vật kiến trúc gì, trên thửa 366 chỉ có một số cây tiêu của ông Q, bà H. Do đó, trường hợp bà H, ông Q và ông Đ không thanh toán hết các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng A thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ, theo đúng thỏa thuận giữa các bên và theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên quyết định này.

Bà H kháng cáo yêu cầu Tòa án không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên, nhưng bà H không đưa ra được chứng cứ hoặc căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu này của mình là phù hợp quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà H.

[2.8] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà H và ông Đ còn cho rằng Ngân hàng A có hành vi lừa dối, dụ dỗ khách hàng, ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và tính lãi không đúng quy định pháp luật; bà H có đầy đủ chứng cứ chứng minh những vấn đề này nhưng hiện đang lưu trong hộp đen của xe ô tô, bà H và ông Đ không thể cung cấp cho Tòa cấp phúc thẩm vì liên quan đến an ninh quốc gia. Bị đơn chỉ cung cấp các chứng cứ này cho Tòa án cấp giám đốc thẩm và cấp tái thẩm. Do bà H, ông Đ không cung cấp được bất cứ chứng cứ nào chứng minh cho lời khai trên của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này của bà H. Trường hợp các bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án này thì có quyền kiến nghị đến Tòa án cấp giám đốc thẩm hoặc tái thẩm yêu cầu xem xét lại vụ án này nếu có căn cứ và chứng cứ.

### [3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận toàn bộ nên bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng, cụ thể:

- Bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ phải chịu án phí trên số tiền 1.160.348.597 đồng là 46.810.457 đồng.

- Bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q phải chịu án phí trên số tiền 1.878.271.900 đồng là 68.348.157 đồng.

- Bà Đặng Thị H phải chịu án phí trên số tiền 14.046.318 đồng là 702.315 đồng.

- Ông Nguyễn Bá Q phải chịu án phí trên số tiền 14.393.007 đồng là 719.650 đồng.

[3.2] Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (cấp sơ thẩm tuyên 10.000.000 đồng là có sự nhầm lẫn với số tiền tạm ứng chi phí đã nộp, nên cần sửa phần này). Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền trên theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đặng Thị H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 95, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 117, Điều 119, Điều 319 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 08/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đối với bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ:

**1.1.** Buộc bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18-9-2024, theo Hợp đồng cấp tín dụng số TVT.CN.2170.270323 ngày 04-4-2023 là 1.160.348.597 (một tỷ, một trăm sáu mươi triệu, ba trăm bốn mươi tám ngàn, năm trăm chín mươi bảy) đồng, trong đó: Nợ gốc là 997.770.000 đồng, lãi trong hạn là 26.693.766 đồng, lãi quá hạn là 127.877.645 đồng, phạt chậm trả lãi là 8.007.186 đồng.

**1.2.** Buộc bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18-9-2024 theo Hợp đồng cấp tín dụng số TVT.CN.2172.270323 ngày 04-4-2023 là 1.878.271.900 (một tỷ, tám trăm bảy mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi một ngàn, chín trăm) đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.600.00.000 đồng, lãi trong hạn là 37.479.451 đồng, lãi quá hạn là 228.486.575 đồng, phạt chậm trả lãi là 12.305.874 đồng.

**1.3.** Buộc bà Đặng Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18-9-2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng

kiêm hợp đồng ngày 20-3-2023 của bà Đặng Thị H là 14.046.318 (mười bốn triệu, không trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm mười tám) đồng, trong đó: Nợ gốc là 10.596.204 đồng, lãi quá hạn là 3.450.114 đồng.

**1.4.** Buộc ông Nguyễn Bá Q phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18-9-2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20-3-2023 của ông Nguyễn Bá Q là 14.393.007 (mười bốn triệu, ba trăm chín mươi ba ngàn, không trăm lẻ bảy) đồng, trong đó: Nợ gốc là 10.885.329 đồng, lãi quá hạn là 3.507.678 đồng.

**1.5.** Kể từ ngày 19-9-2024 cho đến khi thi hành án xong, bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hoặc các văn bản khác có thỏa thuận về lãi suất. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng hoặc các văn bản khác có thỏa thuận về lãi suất, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng này.

**1.6.** Trường hợp bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ không thanh toán được toàn bộ số nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 366, tờ bản đồ số 142, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 196503 ngày 04-12-2020 cho ông Nguyễn Văn Đ1, bà Trương Thị Kim O, đăng ký chuyển nhượng sang tên cho bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q ngày 31-3-2021, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số TVT.BĐCN.220.270323 ngày 05-4-2023 tại Phòng C1 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 415, tờ bản đồ số 142, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 019958, ngày 24-01-2022 cho ông Nguyễn Minh D1, bà Phạm Thùy L1, đăng ký chuyển nhượng sang tên cho bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q ngày 04-3-2022, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số TVT.BĐCN.213.270323 ngày 04-4-2023 tại Phòng C1 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

## **2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:**

Bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

## **3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Đặng Thị H, ông Nguyễn Bá Q và ông Nguyễn Bá Đ phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 46.810.457 (bốn mươi sáu triệu, tám trăm mười ngàn, bốn trăm năm mươi bảy) đồng.

Bà Đặng Thị H và ông Nguyễn Bá Q phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 68.348.157 (sáu mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi tám ngàn, một trăm năm mươi bảy) đồng.

Bà Đặng Thị H còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 702.315 (bảy trăm lẻ hai ngàn, ba trăm mười lăm) đồng.

Ông Nguyễn Bá Q còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 719.650 (bảy trăm mười chín ngàn, sáu trăm năm mươi) đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 43.300.000 (bốn mươi ba triệu, ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0005527 ngày 10-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

#### **4. Về án phí dân sự phúc thẩm:**

Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0004371 ngày 07-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà H đã nộp xong án phí phúc thẩm.

**5. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (17-4-2025).**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND Tp. V, tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. V, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS Tp. V, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Cao Minh Vỹ**